Giao tai A Ty Dam - 01

Giáo Tài A Tỳ Đàm

Giao tai A Ty Dam - 01

Vietnamese, with Unicode Times font

Tủ sách Nghiên cứu Phật học

Giáo tài A
Tỳ Đàm
Hòa thượng
Saddhammajotika
Tỳ kheo Giác
Nguyên dịch Việt,
Sài gòn, 1989

Phần [01]

BỐN PHÁP PARAMATTHA (CHÂN ĐẾ)

Tattha vuttaabhidhammatthaa

Catudhaa paramatthato

Citta.m cetasikam ruupa.m

Nibbaanamiiti sabbathaa

Thích giải:

Tiếng Paramattha nếu đem chiết tự thì có 2 từ: Parama + attha : pháp mang tính chất chân như tuyệt đối, là pháp cơ bản (padhaana) cho tục đế, lại nữa, bản chất tột cùng của danh sắc là một pháp nghĩa tuyệt đối, nên gọi là paramattha . Bậc Đạo Sư khi thuyết pháp độ đời, Ngài triển khai về 2 sự thật: sự thật của từ ngữ thông thường (sammutivohaara) và sự thật về bản thể (sabhaava).

Trong tạng kinh, Tạng Luật và bộ Puggalapa~n~natti (Nhân chế định), Ngài thuyết về sự thật thứ nhất. Trong 6 bộ Diệu pháp còn lại thì Ngài nhắm vào sự thật bản thể như trong bộ chú giải Manosathapaara.nii cũng có nói:

Duve saccaani akkhaasi

Sambuddho vadata.m varo

Sammuti.m paramattha~nca

Tatiya.m mupalabhati.

"Đức Chánh Giác, bậc tối thượng giữa các hàng trí nhân chỉ nói pháp theo 2 sự thật: tục đế và chân đế , chớ không nói tới sự thật nào khác"

Sở dĩ bậc Đạo Sư thuyết pháp theo 2 sự thật như vậy vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sanh có những người tuy hữu duyên (veneyyasatta) nhưng chưa từng được nghe về pháp chân đề trong thời Phật quá khứ ; nên muốn độ họ, Ngài phải nói về sự thật thông thường trước đã rồi sau cùng mới hướng dẫn họ tiến tới trình độ trí tuệ về pháp chân đế. Còn đối với những chúng sanh đã có sẳn vốn liếng trí tuệ về lý chân đế từ đời quá khứ thì ngài mới trực tiếp đem lý chân đế giảng cho họ nói tóm lại, dầu nói pháp cách nào đi nữa Ngài cũng luôn nhắm đến lợi ích cho đời.

Trong tục đế lại có 2 khía cạnh nữa: tục đế theo ngôn từ Chư Phật (như trong 2 tạng kinh, luật, puggalapa~n~natti) và tục đế theo đời thường. Hể còn là ngôn từ tục đế thì dầu có được xem là chân ngôn cũng chỉ "chân" theo phương diện tục đế bởi nếu xét theo khía cạnh bản thể (sabhaava) thì đó không còn là như thật nữa, có "thật" chăng cũng chỉ là không phải vọng ngữ thôi. Còn lý chân đế thì quả thật là như chân bởi nó là thực tại, là bản chất tuyệt cùng của danh sắc như vậy từ ngữ tục đế dầu của chư Phật hay của người đời cũng không là vọng ngữ bởi đó chỉ là phương tiện như trong Anguttaranikaaya- atthakathaa (Chú giải Tăng chi) có nói:

Tasmaa vohaanakusalassa

Lokanaathassa jantuno

Sammuti.m vohanantassa

Musaavaado na jaayati

"Chính vì những lý do vừa nêu trên nên trong khi Đức Phật nói pháp theo từ ngữ tục đế không phải là nói dối"

Tục đế có 2 như đã nói, còn chân đế (paramatthasacca) cũng có 2:

a) Sabhaavasacca : bản tướng như chân của danh sắc (sabhaavalakkhana) như pháp thiện, bất thiện ...

b) Ariyasacca : Chỉ cho 4 Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

CITTA-PARAMATTHA (TÂM VƯƠNG)

Bây giờ giải về chi pháp thứ nhất của 4 pháp chân đế, đó là Tâm. Tâm là cái biết cảnh (aaramma.navijaananalakkha.na). Sau đây là một vài câu giải tự về tiếng Citta (tâm):

- Aaram.na.m cintetiiti citta.m : tư duy cảnh nên gọi là tâm.

- Cintenti sampayuttadhammaa etenaati citta.m : các pháp tương ưng tức là các sở hữu đồng sanh nhờ cái này mà biết cảnh nên cái này được gọi là tâm.

- Cintanamatta.m citta.m: chính cái biết, cái suy nghĩ là tâm vậy.

- Cittì karotiiti citta.m: pháp thực tính nào làm cho đời sống chúng sanh trở nên đa dạng thì cái đó là tâm.

Kể cả những vật vô tri (ajiivita) cũng do năng lực của tâm chúng sanh mà trở nên đa dạng rắc rối. Sở dĩ các chúng sanh được xem là đa dạng phức tạp là do chủng loại đa

dạng, đa dạng là do sở hành, hạnh nghiệp sai biệt; sở hành sai biệt là do tham ái sai biệt, tham ái sai biệt là do tưởng sai biệt, tưởng sai biệt là do tâm sai biệt. Như trong paramatthadiipanii ghi rằng:

"Cittavicittataaya vicittaani, kammavicittataaya yoniso vicittaa yonivicittataaya tesa.mtiracchaanagataana.m vicittatà veditabbaa!"

Nói tóm lại bản thể của tâm gồm có 3 khía cạnh.

1) Chính nó có bản chất biết cảnh.

2) Nó làm nhân cho các sở hữu cùng biết cảnh như nó.

3) Nó làm cho các sinh vật (jiivita) và các vật vô tri (ajiivita) trở nên sai biệt đa dạng.

Đức Thế Tôn và các vị Chú Giải Sư đã nói về nhiều khía cạnh đặc biệt của tâm nhưng ở đây chỉ trích đoạn một câu Phật ngôn trong Sa.myutta-nikaaya (Tương Ưng Bộ):

Di.t.tham vo bhikkhave citta.m cittena cintitanti tenaapi kho bhikkhave cara.nena cittena paanaa te pi kho bhikkhave tiracchaanagataa paa.naa cittena cittigataa, tehi pi kho bhikkhave tiracchaanagatehi paa.nehi citta~n~neva cittatananti .

" Này các tỳ kheo! Có bao giờ các ngươi nhìn thấy bức họa nào chưa? Thưa có ạ - Này các Tỳ kheo, cho đến ngay cả bức tranh đó nếu nó có cái gì phức tạp, sai biệt trong ấy cũng là do tâm sáng tác nên. Này các Tỳ kheo, tâm là cái phức tạp, đa dạng hơn cả bức tranh phức tạp đó nữa. Này các Tỳ kheo, trong tất cả các chúng sanh trên đời, ta chưa thấy một sanh loài nào phức tạp, sai biệt, đa dạng như loài bàng sanh cả, mà tất cả những cái phức tạp đó đều do tâm mà ra, chính tâm tạo ra cái sai biệt, đa dạng đó, này các Tỳ kheo, tâm còn phức tạp hơn cả các loài bàng sanh"

Trong một chỗ khác, cũng ở Sa.my. Đức Phật dạy:

Cittena niiyate loko

Cittena parikassati

Cittassa ekadhammassa

Sabbeva vasamanvaguu

"Thế gian này được tâm dắt đi siêu đọa, tất cả chúng sanh đều đi theo quyền lực của cái tâm".

Trong Atthakathaa của Sutta-nipaata (Kinh tập) có ghi rằng:

Cittanaanattamaagamma

Naanatta.m hoti vaayuno

Vaayunaamattato naanaa

Hoti kaayassa i~njanaa

"Chính vì tâm luôn phức tạp đa dạng nên có các oai nghi cử động phức tạp. Chính nhờ có các oai nghi đó mà thân thể mới cử động được".

Và trong Vibhaavaniitikaa còn ghi như sau:

Vicittakara.naa citta.m

Attano cittataaya vaa

Cittakammakilesehi

Citta.m taayati vaa tathaa

Cinoti attasantaana.m

Vicittaarammananti ca

"Gọi là tâm vì nó tạo ra sự sai biệt đa dạng (ở đây chỉ cho 32 tâm quả), hay gọi là tâm vì bản chất của chính nó là đa phức tạp, sai biệt (ở đây chỉ cho cả 89 tâm). Tâm quả (vipaakacitta) được gọi là tâm vì nó do thiện nghiệp, ác nghiệp và phiền não tác tạo hay nói cách khác, tâm quả được gọi là tâm vì nó có chức năng bảo vệ thân thể, môi trường hành động của các nghiệp thiện ác và phiền não. Thức nào luôn tác động cho các uẩn nối tiếp nhau sanh khởi liên tục thức ấy được gọi là tâm (ở đây chỉ cho các tâm đổng lực bất thiện và thiện hiệp thế). Một lý khác, thức nào tự mình nối nhau sanh khởi liên tục, thức ấy được gọi là tâm (ở đây chỉ cho 47 đổng lực hiệp thế những tâm mà làm cố hưởng duyên - aasevanapaccaya được). Thức nào có cảnh phức tạp, sai biệt, đa dạng thì thức ấy được gọi là tâm (ở đây chỉ cho cả 89 tâm)".

Sự biến diệt của tâm vô cùng mau lẹ, như bậc Đạo Sư đã thuyết trong Angutta. (Tăng chi) :

Yaava~nciday bhikkhave upamaa pi na sukaraa yaava lahuparivatta.m citta.m.

"Này các Tỳ kheo, tâm này sanh diệt cực kỳ mau lẹ, rất khó mà tìm được ví dụ nào để diễn tả sự mau lẹ đó được. "

CETASIKA-PARAMATTHA (TÂM SỞ HỮU)

Tiếp theo là giải về sở hữu tâm sở hữu tâm nào là pháp nương nơi tâm mà sanh khởi (cittanissitatalakkhana.m). Trường hợp sở hữu tâm nương tâm để sanh khởi không giống như trường hợp cây cối nương mặt đất mọc lên, bởi vì trong trường hợp đó mặt đất là cứ điểm nâng đỡ (aadhaarathaa.na) còn cây là cái được nâng đỡ (aadheyya). Còn vai trò tâm và sở hữu đối với nhau thì tâm là nissaya (năng y), sở hữu là nissita (sở y) giống như ông thầy với người học trò. Sở dĩ nói như vậy là vì sở hữu mà biết được cảnh cũng nhờ nương vào tâm, bỏ tâm ra, sở hữu không làm được cái việc biết cảnh nên nó bắt buộc phải nương vào tâm để sanh ra. Chính vì vậy ta có thể nói rằng sở hữu là cái sinh khởi trong tâm hay phải thường xuyên cấu hợp với tâm, như các câu giải tự sau đây của các bậc Đại Sư tiền bối:

- Cetasi bhava.m cetasika.m. (Sanh ra trong tâm nên gọi là sở hữu tâm)

- Cetasi nitutta.m cetasika.m (Thường xuyên quan hệ trong tâm nên gọi là sở hữu tâm).

MỐI TƯƠNG HỆ GIỮA TÂM SỞ HỮU VÀ CẢNH

Sự tương quan tương hệ giữa 3 pháp nầy được ví dụ như một phòng vẽ vậy. Trong sự phối hợp đó, tâm giống như nước pha màu, sở hữu giống như màu còn cảnh dù vô tri hay hữu thức sinh vật hay vô sinh vật (jiivita hay ajiivita) thì cũng giống như tấm vải (hay tờ giấy để vẽ), 6 môn (nhãn, nhĩ ...) thì giống như cây cọ vẽ, còn các chúng sanh thì giống như người họa sĩ.

RUUPA-PARAMATTHA (SẮC)

Sắc là cái luôn biến diệt thay đổi (ruppanalakkha.na.m) trong môi trường thiếu điều kiện mà ta gọi là virodhapaccaya (điều kiện xung khắc) như những lúc nóng lạnh, bệnh hoạn, đói khát, gió nắng, ruồi muỗi ... có câu giải tự về tiếng Ruupa (sắc) rằng:

- Siitu.nhaadivirodhipaccayehi ruppatiiti: ruupa.m (bị thay đổi vì những điều kiện khắc nghiệt như đã kể gọi là sắc).

NIBBAANA-PARAMATTHA (NÍP-BÀN)

Níp-bàn là pháp tịch tịnh đối với 5 uẩn (santilakkha.na). Sở dĩ nói như vậy và Níp-bàn là cái đã tách rời tham ái mọi cách dứt khoát. Một khi vị La Hán đã viên tịch (khandhaparinibbaana) thì mọi nỗi khổ luân hồi như sanh lão tử ... cũng vĩnh viễn chấm dứt. Như các câu giải tự sau đây:

- Vaanato nikkhantanti nibbaana.m (Níp-bàn là cái thoát ngoài ái thúc phược).

- Nibbaayanti sabbe va.t.tadukkhasantaapaa etasminti nibbaana.m (Níp-bàn là pháp mà trong đó hoàn toàn giải thoát mọi bức nhiệt đau khổ luân hồi).

- Nibbaayanti ariyajanaa etasminti nibbaanam (Níp-bàn là điểm mà chư Thánh nhân viên tịch đối với các khổ).

Ở đây từ Nibbaana nếu đem chiết tự thì có 2 tiếng.

Ni : ra khỏi, vượt ngoài, giải thoát.

Vaana: ta.nhaa (tham ái)

Vậy Nivaana là ra khỏi tham ái. Mà theo văn phạm Paali khi ghép từ như vậy, phụ âm V sẽ được tăng cường và dĩ nhiên nó phải biến dạng mới phát âm được, vậy 2 chữ V sẽ trở thành 2 chữ B, thành va Nibbaana .

THÍCH GIẢNG:

Gọi là kusale vì đó là tâm không lầm lỗi và cho thiện quả. Gọi là Mahaakusalacitta vì tâm thiện này cho quả lớn và nó làm cơ sở cho thiền định, thắng trí, đạo quả khởi lên; có nó dẫn nhập, các thượng pháp ấy mới có mặt được.

Gọi là Mahavipaakacitta vì đây là quả của tâm đại thiện và khi nói về 3 phương diện thọ (hỷ xả), tương ưng (sampayoga : trí và vô trí), tác động (sankhaara) vô và hữu trợ)

cũng giống như tâm đại thiện.

Gọi là Mahaakriyaacitta vì nó thay thế đại thiện để vị La Hán có thể làm những việc mà lẽ ra phải làm bằng tâm đại thiện.

* Tiếng kaama có lời giải tự như sau :

- Kaametiiti kaamo , pháp nào là sự ham muốn trong cảnh, pháp ấy được gọi là dục (kaama). Dục ở câu này chỉ cho kilesakaama tức kaamata.nhaa .

- Kaamiiyatiiti kaamo (pháp nào là đối tượng ham muốn của kaamata.nhaa pháp ấy được gọi là kaama . Ở đây chỉ cho Vatthukaama tức là kaama citta, cetasika và ruupa .

- Kaamassa bhavoti kaamo (cõi nào là môi trường sinh khởi cho kilesakaama và vatthukaama , cõi ấy được gọi là cõi kaama), ở đây chỉ cho 11 cõi dục giới.

- Kaame avacaratiiti kaamaavacara.m (tâm nào luân chuyển trong cõi dục tâm ấy được gọi là tâm kaamaavacara các câu giải tự về Ruupa :

- Ruupassa bhavoti ruupa.m (cõi nào làm môi trường cho vatthuruupa và kilesaruupa có mặt thì cõi ấy được gọi là cõi sắc). Vatthuruupa là 15 tâm sắc giới, 35 sở hữu hợp còn kilesaruupa là ruupatanhaa : Sự thích thú trong thiền (jhaana), trong thắng trí và trong các cõi sắc.

- Ruupa avacaratiiti ruupaavacana.m (tâm nào luân chuyển trong cõi sắc, tâm ấy được gọi là tâm sắc giới).

Gọi là cõi vô sắc vì đó là môi trường có mặt của vatthu-aruupa (12 tâm vô sắc, 30 sở hữu hợp) và kilesaaruupaa (aruupata.nhaa : sự ái luyến trong thiền vô sắc cõi vô sắc) như 2 câu giải tự sau đây:

- Aruupassa bhavoti aruupa.m (cõi nào là môi trường có mặt của vatthu ...)

- Aruupe avacaratiiti arupaavacara.m. (Tâm nào luân du trong cõi vô sắc ...)

Gọi là Mahaggata là dựa vào ý nghĩa của câu giải tự sau đây:

- Mahantam gatoti mahaggato (tâm nào luôn đi vào sự thanh cao và rộng lớn tâm ấy được gọi là tâm đáùo đại)

Giải tự tiếng lokiya :

- Loke niyuttaati lokiyaa (pháp nào luôn tương hệ tam giới pháp ấy được gọi là pháp hiệp thế).

89 Tâm phân theo (sa~njaati) chủng loại có 4 nhóm chủng loại:

- 12 tâm bất thiện (akusalajaati)

- 21 tâm thiện (kusalajaati)

- 36 tâm quả (vipaakajaati)

- 20 tâm duy tác (kiriyaajaati).

89 Tâm phân theo địa vức (bhuumi - giới):

- Có 54 tâm thuộc dục vức (kaamabhava)

- Có 15 tâm thuộc sắc vức (ruupabhuumi)

- Có 12 tâm thuộc vô sắc vức (aruupabhuumi)

- Có 8 Tâm thuộc Siêu thế vức (lokuttarabhuumi):

Bhuumi có 2 thứ:

1) .thaanabhuumi : chỉ cho 31 cõi.

2) avatthaabhuumi : Giới vức trừu tượng, chỉ chung những gì nằm trong và ngoài 3 ái; nói rõ hơn, avatthaabhuumi được dùng để chỉ cho phạm vi hoạt động, địa bàn có mặt hay không có mặt của tham ái.

Nói theo chi pháp thì như sau:

a) Kaama-avatthaabhuumi: chỉ cho 54 tâm Dục giới, 52 sở hữu, 28 sắc pháp.

b) Ruupa-avatthaabhuumi: chỉ cho 15 tâm sắc giới và 35 sở hữu hợp.

c) Aruupa-avatthaabhuumi : chỉ cho 12 tâm vô sắc và 30 sở hữu hợp.

d) Lokuttara-avattha: chỉ cho pháp nào vượt ngoài phạm vi hoạt động của 3 tham ái, tức là 8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp và Níp-bàn.

Như vậy, kaamabhuumi, ruupabhuumi và aruupabhuumi vừa kể theo .thaanabhuumi cũng được kể theo asatthaabhuumi cũng được. Riêng Lokuttara- bhuumi chỉ kể theo avatthaabhuumi mà thôi.

* Trong các tâm Đáo Đại và Siêu thế đều có các sở hữu Tầm, tứ, hỷ, lạc định kết hợp đ? làm việc chiếu sát cảnh án xứ hay cảnh Níp-bàn. Điều cần nhớ là trong tâm Siêu thế dù cũng có 5 sở hữu đó nhưng chúng không được gọi là chi thiền (jhaananga) vì chúng chẳng có quan hệ (sambandha) gì tới samathaaramma.na (cảnh chỉ), chính do vậy, cá nhân tâm siêu thế không được gọi là tâm thiền (jhaanacitta). như dựa theo các câu giải tự sau đây:

jhaayati upanijjhaayatiiti jhaana.m (sở hữu nào "thắp sáng" các cảnh đề mục chỉ tịnh thì sở hữu đó được gọi là Thiền).

- Vitakkaadijhaanangehi sampayutta.m cittanti: jhaanacitta.m (tâm thiền là tâm tương ưng với các chi thiền).

121 TÂM PHÂN THEO 9 KHÍA CẠNH (NAYA).

1) Tâm phân theo giống (jhaati hay sa~njaatibhedanaya)

- akusalajaati có 12 tâm

- kusalajaati có 37 tâm

- viipaakajaati có 52 tâm

- kriyaajaati có 20 tâm

2) Tâm phân theo giới vức (bhuumibhedanaya)

- kaamacitta có 54

- ruupacitta có 15

- aruupacitta có 12

- lokuttaracitta có 20

3) 121 tâm phân theo bản chất (sobha.nabhedanaya)

- asobha.nacitta có 30 tâm

- sobhanacitta có 91 tâm

4) 121 tâm phân theo lokabhedanaya :

- lokiyacitta có 81 tâm

- kokuttaracitta có 40 tâm.

5) Hetubhedanaya :

- ahetukacitta có 18 tâm

- hetukacitta có 103 tâm

6) Jhaanabhedanaya :

- ajhaanacitta có 54 tâm

- jhaanacitta có 67 tâm

7) Vedanaabhedanaya :

- Sukhasahagatacitta có 1

- Duk ... có 1

- Somanas ... có 62

- Domanas ... có 2

- Upek ... có 5

cEX]5Ac2.|ŰvB%]C DUvq{C[J_Ƙ-Eo&t1 ©pE! 0fh#$91HQ/!Äv2&Z3 W3@S:b &ϑ e)ɗTĠ|(R1"(B:$źrF eΨWrtk@VDa^:U?QPW)8GXvRy7Mlt\WSI =v0z*@xz; Te: LNO.pZ`]6p(eTHVxPi"D(e0 H.Fhp&$i`ɗe% XU m~ KN#{IΨ %h9pQd l$q'M_^.z~rı CzyM;a%%(-g4Q'YB*54]qC5ÿ]0|)+ en`qtraa endibj 352 0 obj

endobj 354 0!obj streim x\K;9NK~ -@ KNyɒ d/y[ç~ > pk+`m-oD _2 sW`; V:L^@@D[|~n2\PC _[$m F;f%@OpJLTB|{>^ <>?xzo%W$.> V{hX

Òa=qprD9 VFHDh#}A HHkV.AR.je IrJ_F '!BO hi H;(vd$*W{8
'8fuFOxzÍ> ETOpOVr&υtL|n|@g A)L3B^ǿ{}\K8w{%2+ERw
w{'}PR Dn$,eH-b%Wut>G}(!j>p8B E,.Ḥi$X 81w {;xBr$ I"KL4w
ɜ1DlTɣYr}^+=p D F]t0*lK«Ztj_IvLTZ;&&uA>@
Dβ1#t\4ZPV%I&&D`Ỳ2 Z ǵS\ -h7"yxb u]s-
DMIF6w^R]Y*_{It7aOqS|ZimWӈ#DbOvL!NCLe pk)n1$-h)O)=5*!4
WcOX.-aTNC6! iX]Zt1dN5 AwbʁR V:TqQWBz{Cn [@jOZIEE0RyV′uSA
sPhzRA{s v_V%K#KMgeA1Hfg FvY=X. ffz,T2j
G>86gFҶ(#(JFSU8-I~YòRPhU{H'%)ʰ t HMw-g#[N8 [yKθ@-@AKIh(Y

4

Q{- CR Soxtx:9o`J*KF|8ivƫ>
".
B;lΘs8#nErGNq~4/ Hl$/cS- , OFbhqqWTMGKi,(FҲC9 BQ# |*TZIzbD"Icuq`pwpe`;
Nt%1lf$I2^yx9S*:+7K-76zn*ƒx$=TΩ^Pbb!UABe̓CSN:82R*[(]Ƀ!W"0
"8^?H(JQ C$. RJV_/&g HA/}P+#gOyVq
B"/7DPR]cC8ѦoIʔȣfw!e>wa]>_ vP CG#rUq|)"J'qvj']4[.
j$jJʁ[wbfZ1WG# PXX=@.IÕ+CV(aTl^4})x ;\GJ 2o]D cAM QKlJ9! {;Rs'kɗz
&Af:m0&bR`n+BG 5 =30B4UkOVu8, ¹?;^%oM&g>y[iE 7Y
OIxdl(=)?Bjcln%A7P 4y⬐!G"UFE#15]p Y'P~w]jrD{BG%j+ PL)J F ^(
v"#,hAS ZZ0 s} LJ@φ/1;Dž>$;LJ6bjSzMG u!ERn xC YJ(ȳmu9qϕ`_
Yr&&0A N3*aEsadkirP o\ endstream endobj 156 0 obj > endobj 157 0
obj >stream x\K 9@9,? 4UZ`o4CS^" {'?]=} e&]CEOS7Ji/vSYv_oQUwno*wGuj
/t(p_i~{u~} US}0WIa10 8v oW̰VjGd9` ;.ʒO^ =: yhue
8S6?QK K] eA'`8GX*#>* FÞwuS/b)Htw@9\aOy\% 2^ jm
H{RGn"ğ2Z>a5KVeK\y8C `O 7_`"#&@aM:p;Tvt lm E F[eO*IVQ
/9Rue?P8MX]Ƶ^ 63eZW6%wwu3mN̋h#Mָ:i^} {[M U "~P+_e2Lg xxjL
!A]L%?kkw8!dx']v!F{D#quA_$j!@[>9rw0)9 ^cYeg~NoQW̲|(M.nQE Y,Q
Ɋ.O9EW8fn$+Bѝ} D r2 iT=) Y |cB^a(T}OYIóf89=vVcCt8Pb.']Mt :
!21b V# }25(sx{Sr# X My z-|y$?[]im xZZN3F Z~;ю @-tO-hVL i
8WWUMBcCϘɬBj;Nh6QY%ZcR+D|(~ d,+VÀ fa b!F258\J
,6Vh&vÅa;:.p*Nɬe(\@ .RiX pQd%\@y(+Z1 ;tM6 X ,r'C4*Fcn
u%*UckGC+%_t$IQ~GiF + 7>x[6!'V- ѓPfHf$**VA :i%i/:"DBW5}nn
qjk$7[,)P8ZKgP4f\)V"++E4]y0Bp9B!JJÂPZxV*b5`]I=dbKyn O
_E@xr!"}|^9LE$UJ v[T >&&ō#X7 wm~Ap:D?a endstream endobj 159 0 obj >
endobj 160 0 obj >stream x\I#_Adƶ6h-i`nc?a7YTUz-4çʊ=c+2
S)q_I~tu|?Vm[Mnq^f'BOzO[8Ew>a̋ B4Aj:\6HZ 3,*w%p Ƕ^Tn(j^
32Kg 2{Ò> WÑr 5p t3l`-BkUGiMvKd[DojKP{ON{ ' z$Ƒ3Ay]È
GIzJB>r{v=)iM-hTAwq{abLL\ ] @q;Hh03Ka@4:C.x_!H@,Q`,V9Z
7*=w@G3A/qWmV"OhZ8SGt1!N9s !w,H2#(A ow g|9"l'on9Q"r\Kg7+OqrGPq=
{t8nkR IUS HIK@'j/M!wK7\@fGL4+ Q\ .""IvEs59$ V-p"E
hRƛzVz0=l{IF;>R3 K%,9Ss"Bw0Ea 9,f&[ʙYG"GvDr1xw.x|d)0T!wWx'9`W

_İmS*ПЇС4(FRc{H$7G(_Abz!!3F$*Ġ5 @UɏZ0xorK: ,r%C`M4zy Q RpLs!W
"Z =VY0pl+Y a :K7mvVOjy = 54/f{=^$ J2C",VG8^pvq VE
Bz9Ⱨ₭K^hXi#2] 9+s\\F)tc 5VÃO]0-aGZaH.Y"rYVTr@ 6%3J
'i.(Q'6_ 74!Mu%geW P 8_HT `Ɉƀq@[# H\'v~rC2Kw?S94#ax@rV_h
3^Au\/cĚ+m6T;?'jq q-[s\lT,iI s/$D"D(%Qb ~ da@zQ5u6
=DKQZn̈]XhcAC 2 XU42_Nyk 1Yc ~\U
VXj0TOxC#vc0g06*;f,(+K{9w[)TK Ao6EpPiʿT2%9xǵ/S a"k\v
C9O+bma7(wF+;i-Q>I4>#xlC mV*mlx{q eX p3'qи6:1t e`dCMHjeyB{P{
/8DrↃTe^4aYd/)OR_õFC RS9jNgLP?`=`0aE > endobj 163 0 obj >stream
x\K:%e\MĽŐU^02|GGo3 ,
K5\8ij?&sSc+k1rx:5.rOoYP/~eAK7eh.K2]^ /Cep:0sub/àv~:
xa|{?yu{ }k\,^_pp | :e,2$ Fx5 ί~=;2qt\km IK] i1X #=*^ ө?e]
q'/z|o ||Lm_v7oDAƛ!aDMa `ud:A6x/` hMK qZJVyK\A3,8~
l#ƒw0.b X;Y}R gR_=H#⊐2tl">+(9G)-&RwXBTIcU[E[
9RR'&gWjkl{q f aoÅ* >d gdcM'TFdS7i~k8a~s;UKvw &de-m)(2
aB8.T_8-mj4ȳDQ - qWŶM6$1Ty#>hs|n>L &pS+)C@"JW CxQ oM
G(.DŁ2D$;taUnzP=c|'22 8AA: (QàF> p8IwH JLȝ]I/*8q+
'WQqs/3PS0LaVCŕz}P"bo `c@ỲiO!RDp CZAbkC-I\Fr64ideHuHX-8#aW Es:ml
9C1~N3i¸jiL-ɜ7'Ѝ(K,'9'c) # &\4E5r5d:Ydlʜ`hX
{RYP6aBPQ9o2J HTxzKba(N^,ΣXN!hSeW|3 P:`yCBʸ2W2r1A1)V^
>" G2# \zMI`qó ?f̋=Ч !ÎcnKdbgFL:5s Uḍ̈PLÈ+LX5!*DI
=DxUc/)lWAVKTtJEB!8eH`> B5oEf*-PB\P/baQ3 56qT>Mg-wO+
\e-B-Dgrp(Cl*/0ANLQ! ;BUa[H-L HI[-hjdBc #0\Z+L"t3y^- p
n/+30Vu?ϒZT^X(EO60!>Àm1rRVYM@ "j0_x h ^Qe Dp6|\e;!
ZǫO4e 0> _| { X_~5HQ2)R(|huUD C3vɞF]4iWt)6 MZj1P '}daF
.-ŧ)'e@2e!/jv7x 1,+u8\{x?Ff endstream endobj 165 0 obj > endobj 166 0 obj >stream
x\K_@{_p9m $JfCn mIV}! Cc⅂RQf]wiUO?:;]E]~Z}d/Y1+_Uᵭ/T
uQG2ow_7(_oyZa͡7́6/z.~Y Ljsï +Fi[u-5{f{PV.Oo o;mH 03lG@7,t L mF
} d kxw R^]Y8cdw>Ïq;_ ;ow^yn t z aKVaV.) ⁑;ZW[tgRWhrE`#⊐tWWLq>*(
/Qju;&:Hzcj]("ol#35zxaVG9U@/ +)5z Yl~wy'. Bj1l,m!mX_!jG5 1 ⊥n
И?Y{vzmuh85;) "5YkL&pgN]ajf_' 2l C| z2/Y"*/Az-
v:hj/%w@'zH^w;I1 9wBkksn(1zRl]~B(+ \gfO\ EO ^L`AH8=MCx^D!
WEy]tlK;P!GB}ŬK BLA=æʎk;āxbL)q]S,AyduCPk,$l;!ryf*D2j 6ɜ' +"
č1.(\~=6+dU=tT >(j@wGuNc ?_N0H TJda7;~YY+M2]r q+ LY]/W\
f(i4&"˜"dsd8PjJc̹)>@x!Qm| lo\U?la>Y]mqVZ8 wHJYT jt({gc,>r`b@NSTM
$rB|R[ )qjy+-C U"bfP$A@L/IX*N.~ c1)76$o?9aP]
IG[eђ^KL1P>yOBJ>6KN${eC6e3) Q̥Pky zJU Ub}bkg+BwwGI
6m8:\UIœCalfg @&uOIG(ɟ @;2z $=F68%b98uO&l4, > endobj 169 0 obj >stream
x\Ks)CL gÍ,#@KfpieL4k 4L4H8{()M~C0UYbdW|# vE
G*9wH*sxbL%0GN+óŕa g' R7"0P0.wag(f# 1#p’ %~a:.C$7/ RI ch
=EO^V?WY{'(=&0irck cfArL70^&SV̄ȍS ,D(``wcŤUm̰'O;tt\Bbq)e{
`#nn`6$N!aS z˘-0AX?DD 0VCpu|y* J ooᵭq ~R%H :}H]y~ 0`3 4d Kb

5:v|8d:pdaY'LKi Ea z3m} :rKR4$,eiVY@O >c# 7.ZL'}(Z=1:f+ 85~g .AuT(*C5 a =aa endstream endobj 171 0 obj > endobj 172 0 obj >stream x\K s{-[~0(n fqnd!hwaIMOEn s3XfTΘ , 8i/[}[[LaRo ~Ncwv hx 'e%Xhof|~-Ђ L m y#T, d^G, cZpĦ?z}ў78}n|#ugE}6?Aən ;¶ a :nd4!2 ,*g`5fl1arcq\8 OAk"?82 cS+h+QQ7v 0^oinnŰGO6}xemk{/LwEH/O Phw xFOJ 3==(’>1Fz&k5/hM" \l7>$Sq,bIQPOLpÏD Lh Y(2YΦCOC?Gba= W1x3e˜vmƤ`etub33`""qpXEÛq)"up* TK+FZ_&) endobj 175 0 obj >stream 9o?~\ 04^:{Ng\OoÞo\}prD_OXj/McN8]tíYZsO?nm3¸~lA 0uWT/ !^`Yah.MB_Y9v rk1; ^&X#h w S/] ~ p[n{=rUhGwB60 ||D¸/Utj"ӈ`VT }cП~fmK?|}0 aa[P$cghvd {_`"2z`VEq{Yp4]¸} FYM#8 "MT!꞉ c`bf:@ʟŰH8UYn .`kO[0;wqn!Zg'}~ 6'@c{e~gcom}byqq9Lt6e(UlGI9St8|ꟾV=W8/z=n*o? \7^,u?-^~t1(x^zƬ$=#Hsφ]0m C5">>ˊ_&Q[UI XINpWˢ1}Q@hX2P lr :Pu$m}vr}#-p®GQ^8(@D D3D1w!vwYRYx@*ZU:"I? 2cK Sz45t.aYjt + "T\ bD:R~Q_n\#\SeFHH;yp7D8l$&KpXR \}pb)XDh.YVjFAN&q6,XG`9D,8 FQQ@ =Tç1oD"QN*\B=$ƐΨM;K[R4d6)? 1]2i)I[Uo vwtm(] $xʕOhJѦ W8EjVngH Ac*cw,Mtˊ# Bu1\Rxg%'rb WmpC'Eid JN[`ş Nxf%m`,_se~o+%* C?{|R@DoytB22RR)

O ^UB?P%džNrb\jXMLBwJ5F,C]G0>Rk S& ,:R;aZIFn?VI"MR+Rœ0]v}B >ЈD%WKmReƆ7'@0*G3 vb"9R7%S 78ĽY@2u ',1eTfB0U-i@UtX6g#6$1đXN l4^t 02I/ 6d YV$)FlvQ4 {44\7g#VHd=;Mj KX+8S+#G7SVH+g>RI;SRGR':.F^ϛRm*jY6gj gr(}>*Y~3 V]bXH]]XaR&YY [iQ 6WBv.WI^RF]fĤ P2 NG4EC=e6qj,ω0]Tr8I/ q-jp>>SJr,?('O8Z>j,/} > endobj 178 0 obj >stream x]I9= `n4CS6``2dqJ DkgU4'Ҥɵ }w>!; ~]ss{[;L qy ‘k*n,?~$ ğeH@z `VL$1uIV4 %xv ;>vDw%6z` 8Ẍq_^ e.Vwp8vЙMT!ő: yŤůP@U,x'ӌ SXr =u68`p! Qj\8oILl5M-tj'>$J Brbj,3[ |QcEP h&X7 $Ņ=7ey.ur.zVuqu.v^ĂmYSJJ` `G !{T=Za,{]Mq+Ov VMJ dl+ RąihVN%P36x-NiH FC"!_XX.`k#O&kpd&jV; mt·L6zMx Ctv#QdiUycZPZi\ .#3$)Pt MGT,USm]5Z{+Bbfkw4 hX=gwh ς{88$,;kwbUdtKwe 97orzc|ҕ0%6{.a (\5(ScELxRoasEwdāNXSJ r' 6 ‴6pEo > endobj 181 0 obj >stream x\[~_w,Y @ }|?qT~8Në[ϕV / /; P i$? Lal@Eu2X`93$%!/PYpoycq8)eHʊ w`DU^kI*IZBT[D9b>NP8M8wr ‘vws%;7og:]_E Sc[\ B X!a-8l`?]^%2# @Gwsqo/N9kLI93P 5 t>l~$BB0v+:tUxTJ l@}`kGPQt x ljr^f)qsм, *#Z&-u*Qz[`OA2w*&syV xP ɹx&7_54n4+%t%hb[H\xə$UeN$IhCx?s RHOw s^~xcB SgBEA[m5 VIK%` [$SF0fFr#?J1t X pJ"by T4s1B) Xt/cU f R;Q3"mw(x.%f 1eC2r_h||t3)qɵn TBGfzi7a] lѵOmYl\QZ;!q&tz +m{L6z mo B}5RskYg(k!uV,raWMXB+Üʸ]ZGy& -¼h $ b{X\6ZHW@tṬdiApy1 zCjY{+ T)2"J2IoJtqoT-Zl&765I yAnkĭ!elza`jLW>2VCe=sf-.Th"io+h$8 a_D'%E>Vb1SHRGMCr r\ɲa|yIo#jaN /S,+s'X-lIHJZ[Rv ЂUnNB^AO-f-&F&hEM]n7Vk:1[F?Kl7X1zTLzx!^cwVK]jY(ǴIb

x?K)Ju[^Û]z-F|.}7ÆxrfhdpyRC"ezzj5
r]pz,$`%_[_:2-|j5gaN~%Id|,GG*%@ }|ic3(.
%¾/9AO$2(reLE>&Ǝ=v/bK bS!g+-v\
].b&'Vc-]TeB0-"V2MJW)@$c~xV%).,]v cGilh-=r6S4^u
)Bşv=R?ruC cXK"

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.